

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 80/2026/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định cụ thể một số nội dung quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 66.24/2026/NQ-CP của Chính phủ về xử lý khó khăn, vướng mắc trong quy định về lập, phân bổ và giao dự toán chi sự nghiệp cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt

thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 22/2025/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về thu thập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu trên hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư 39/2025/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 3536/TTr-SKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2026 về việc ban hành Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định cụ thể về một số nội dung quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(đã ký)

Nguyễn Văn Công

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Cụ thể một số nội dung quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 80/2026/QĐ-UBND ngày 13/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định Quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh, cụ thể như sau:

1. Phân cấp cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 13 Điều 3 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, khoản 9 Điều 3 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

2. Quy định chi tiết quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 7 Điều 10, khoản 11 Điều 11, khoản 8 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 8 Điều 16, khoản 5 Điều 17, khoản 7 Điều 18, khoản 4 Điều 19, khoản 3 Điều 37, khoản 2 Điều 39, khoản 3 Điều 57 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP; quy định cụ thể khoản 6 Điều 66 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP; quy định chi tiết khoản 2 Điều 8 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

3. Quy định chi tiết việc xây dựng, tổ chức triển khai, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

Ngoài những nội dung quy định tại Quy định này, việc quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh được áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 4. Phân cấp cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu thực hiện thẩm quyền của cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 13 Điều 3 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và khoản 9 Điều 3 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện thẩm quyền của cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 13 Điều 3 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và khoản 9 Điều 3 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP thuộc phạm vi, lĩnh vực sau:

a) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được phê duyệt trước ngày quy định này có hiệu lực;

b) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có phạm vi liên quan đến nhiều ngành, nhiều địa phương cấp xã (trừ trường hợp nhiệm vụ của ngành liên quan đến nhiều địa phương đã được phân cấp theo khoản 1 điều này);

c) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi, lĩnh vực của các tổ chức hành chính thuộc bộ, cơ quan ngang bộ đóng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội của tỉnh.

Mục 2

QUY ĐỊNH CỤ THỂ MỘT SỐ NỘI DUNG QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ

Điều 5. Quy định chi tiết nội dung, biểu mẫu, trình tự thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng, thời gian tiếp nhận hồ sơ đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đề xuất tài trợ, đặt hàng:

a) Định kỳ hoặc đột xuất, Cơ quan quản lý nhiệm vụ căn cứ nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 267/2025/NĐ-CP công bố kêu gọi đề xuất tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác trực thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức có liên quan gửi đề xuất đặt hàng, tài trợ nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ đến Cơ quan quản lý nhiệm vụ phù hợp với ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính;

Mẫu phiếu đề xuất đặt hàng được thực hiện theo BM-01-KHCN ban hành tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Mẫu phiếu đề xuất tài trợ được thực hiện theo BM-02-KHCN ban hành tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

c) Cơ quan quản lý nhiệm vụ tổ chức rà soát, lựa chọn nhiệm vụ đặt hàng, tài trợ, xác định mức trần kinh phí dự kiến hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, phương thức thực hiện đối với từng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông qua Tổ chuyên gia tư vấn (sau đây viết là Tổ chuyên gia) theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 10 Quy định này.

Việc xác định mức trần kinh phí dự kiến dựa trên nguyên tắc đảm bảo khả năng cân đối, bố trí ngân sách nhà nước và các nguồn lực tài chính hợp pháp khác trong kế hoạch quy định tại điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định 267/2025/NĐ-CP và dự kiến kết quả, hiệu quả, tác động của nhiệm vụ.

d) Cơ quan quản lý nhiệm vụ gửi danh mục nhiệm vụ đặt hàng, tài trợ đến Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng, tài trợ:

a) Căn cứ kết quả tổng hợp danh mục, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng, tài trợ. Trong trường hợp cần thiết, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Hội đồng hoặc Tổ chuyên gia tư vấn để xét duyệt danh mục nhiệm vụ.

b) Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ thể hiện số lượng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ dự kiến, mức trần kinh phí dự kiến, kết quả dự kiến, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, cơ quan quản

lý nhiệm vụ và nêu rõ Nhà nước sẽ nắm giữ quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả nhiệm vụ trong trường hợp cơ quan nhà nước có yêu cầu tiếp nhận kết quả.

Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ tài trợ bổ sung dự kiến phạm vi và đối tượng nhận tài trợ; đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng bổ sung mục tiêu của nhiệm vụ.

Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ hợp tác quốc tế; cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhiệm vụ giải mã công nghệ, nhiệm vụ mua bí quyết công nghệ, nội dung kế hoạch tài trợ, đặt hàng phải bổ sung thông tin theo quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

3. Thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng

a) Căn cứ danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Cơ quan quản lý nhiệm vụ thực hiện thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng.

b) Nội dung thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

c) Thời hạn tiếp nhận hồ sơ đăng ký phải bảo đảm đủ thời gian để các tổ chức, cá nhân chuẩn bị, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định 267/2026/NĐ-CP.

Điều 6. Quy định chi tiết biểu mẫu hồ sơ đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Tài liệu trong hồ sơ đăng ký thực hiện theo mẫu quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

Điều 7. Quy định chi tiết thành phần, số lượng thành viên, trình tự làm việc, mẫu biên bản họp hội đồng và tổ thẩm định kinh phí, mẫu phiếu đánh giá, nhận xét đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Cơ quan quản lý nhiệm vụ tiến hành xét tài trợ, đặt hàng, thẩm định kinh phí nhiệm vụ theo quy định tại Điều 12 Nghị định 267/2025/NĐ-CP.

2. Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng

a) Hội đồng có từ 07 đến 09 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch, 02 ủy viên là chuyên gia phản biện, 01 ủy viên đồng thời là thư ký khoa học và các ủy viên khác. Thành phần của hội đồng bao gồm các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, nhà kinh doanh, đại diện tổ chức đặt hàng (nếu có), đại diện đơn vị dự kiến thụ hưởng kết quả của nhiệm vụ (nếu có).

Hội đồng có Thư ký hành chính giúp việc cho Hội đồng.

Trường hợp đặc biệt, do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của nội dung cần tư vấn, cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét, quyết định số lượng và thành phần

hội đồng khác với quy định tại khoản này, bảo đảm phù hợp với yêu cầu chuyên môn và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Thành viên hội đồng phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 12 Nghị định 267/2025/NĐ-CP.

c) Nhiệm vụ và trách nhiệm của thành viên hội đồng thực hiện theo quy định tại điểm c, d khoản 4 Điều 12 Nghị định 267/2025/NĐ-CP.

d) Nguyên tắc làm việc của hội đồng

Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, minh bạch, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Các thành viên hội đồng thảo luận công khai về nội dung được giao tư vấn. Ý kiến của các thành viên hội đồng và kiến nghị của hội đồng phải được tổng hợp vào biên bản. Các thành viên hội đồng chịu trách nhiệm về ý kiến của mình;

Phiên họp của hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên của hội đồng tham dự, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch hội đồng ủy quyền, các ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học;

Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký khoa học tổng hợp đề hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Các ý kiến kết luận của hội đồng được thông qua khi có ít nhất 3/4 số thành viên của hội đồng tham dự họp thống nhất. Thành viên hội đồng có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của hội đồng.

đ) Trình tự làm việc của hội đồng

Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu đại biểu tham dự và thông báo tóm tắt chương trình làm việc của hội đồng;

Chủ tịch hội đồng hoặc Phó Chủ tịch hội đồng được ủy quyền điều hành phiên họp, thống nhất nguyên tắc và chương trình làm việc của hội đồng;

Chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc đại diện tổ chức đăng ký chủ trì trình bày tóm tắt trước hội đồng các nội dung liên quan đến cuộc họp;

Đại diện cơ quan, đơn vị liên quan phát biểu ý kiến về nhiệm vụ (trường hợp cần thiết);

Các thành viên Hội đồng trình bày ý kiến nhận xét hồ sơ nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-03-KHCN, BM-04-KHCN tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này; thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có);

Hội đồng thảo luận kín (trường hợp cần thiết);

Các thành viên hội đồng đánh giá, chấm điểm theo tiêu chí và thang điểm quy định tại mẫu phiếu đánh giá; bỏ phiếu đánh giá hồ sơ nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-05-KHCN, BM-06-KHCN tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

Thư ký hành chính tổng hợp kết quả phiếu đánh giá của các thành viên hội đồng; Thư ký khoa học lập biên bản họp hội đồng theo quy định; Biên bản kiểm phiếu đánh giá theo Biểu mẫu BM-07-KHCN, Biên bản họp Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng theo Biểu mẫu BM-08-KHCN tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Hội đồng xem xét, thông qua biên bản làm việc.

e) Trong trường hợp có từ 02 (hai) hồ sơ trở lên đề nghị xét tài trợ, đặt hàng cho một nhiệm vụ khoa học và công nghệ và có số điểm trung bình của các thành viên Hội đồng bằng nhau, hồ sơ được chọn để thẩm định kinh phí là hồ sơ đáp ứng theo thứ tự ưu tiên sau:

Hồ sơ có kinh phí đề xuất từ ngân sách nhà nước thấp nhất;

Trường hợp kinh phí đề xuất từ ngân sách nhà nước bằng nhau thì ưu tiên hồ sơ có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước cao nhất;

Các trường hợp khác do Chủ tịch Hội đồng tư vấn quyết định.

g) Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan quản lý nhiệm vụ thành lập Hội đồng xét duyệt khác hoặc lấy ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

3. Tổ thẩm định kinh phí

a) Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do cơ quan quản lý nhiệm vụ quyết định thành lập theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

b) Tổ thẩm định kinh phí có từ 05 đến 07 thành viên gồm: Tổ trưởng, các thành viên và Thư ký. Trong đó, Tổ trưởng là Chủ tịch Hội đồng tư vấn xét tài trợ hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng, các thành viên tổ thẩm định là đại diện lãnh đạo cơ quan và phòng chuyên môn quản lý tài chính, các thành viên khác có chuyên môn phù hợp nội dung cần thẩm định.

Tổ thẩm định có Thư ký hành chính giúp việc cho Tổ.

Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của vấn đề cần tư vấn, cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét quyết định số lượng thành viên và thành phần Tổ thẩm định khác so với quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

c) Tổ thẩm định có nhiệm vụ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

d) Biên bản họp thẩm định kinh phí theo Biểu mẫu BM-09-KHCN tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Tài liệu được quy định tại điểm e khoản 4 và điểm c khoản 7 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP thực hiện theo mẫu quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

5. Cơ quan quản lý nhiệm vụ thực hiện thông báo đặt hàng, tài trợ lần 2 trong các trường hợp sau:

- a) Khi hết thời hạn thông báo tài trợ, đặt hàng theo quy định mà không có hồ sơ đăng ký;
- b) Các hồ sơ không đáp ứng yêu cầu khi cơ quan quản lý rà soát;
- c) Trường hợp Hội đồng đánh giá hồ sơ “Không đạt” hoặc bị huỷ kết quả xét tài trợ đặt hàng.

Điều 8. Quy định chi tiết nội dung, biểu mẫu hợp đồng giao nhiệm vụ

1. Cơ quan quản lý nhiệm vụ phê duyệt và ký hợp đồng giao nhiệm vụ theo quy định tại Điều 13 và Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.
2. Tài liệu được quy định tại khoản 1 Điều 13 và khoản 4 Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP thực hiện theo mẫu quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư 36/2025/TT-BKHCN.
3. Trường hợp cần thiết và phù hợp với điều kiện khả năng của cơ quan quản lý nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhiệm vụ tổ chức khảo sát cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức chủ trì trước khi xem xét phê duyệt nhiệm vụ.
4. Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ huỷ kết quả xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 14 Nghị định 267/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Quy định chi tiết nội dung đánh giá, hồ sơ, biểu mẫu và trình tự đánh giá, điều chỉnh, chấm dứt trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đánh giá trong kỳ
 - a) Cơ quan quản lý nhiệm vụ và tổ chức chủ trì thực hiện việc đánh giá trong kỳ theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.
 - b) Cơ quan quản lý nhiệm vụ có thể thành lập đoàn đánh giá theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định 267/2025/NĐ-CP.
 - c) Trường hợp cơ quan quản lý nhiệm vụ thuê Tổ chức tư vấn độc lập hoặc chuyên gia tư vấn độc lập để đánh giá, cần đáp ứng theo quy định Điều 7 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Việc tư vấn đánh giá các nội dung đổi mới sáng tạo được thực hiện theo hợp đồng giữa cơ quan quản lý nhiệm vụ và tổ chức tư vấn đánh giá;

Trách nhiệm của tổ chức tư vấn: Phải bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, dân chủ, khách quan; tuân thủ liên chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong toàn bộ quá trình đánh giá; không được tiết lộ thông tin, sử dụng nội dung hồ sơ ngoài phạm vi đánh giá; chịu trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan có thẩm quyền về chất lượng chuyên môn

và kết quả đánh giá; khi đề xảy ra sai phạm, phải bồi hoàn mọi chi phí bao gồm cả chi phí khắc phục và chịu các chế tài theo hợp đồng và quy định của pháp luật.

Tổ chức tư vấn gửi văn bản kiến nghị với cơ quan quản lý nhiệm vụ về nội dung đánh giá; trả lời bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ.

d) Các Biểu mẫu đánh giá trong kỳ được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư 36/2025/TT-BKHCN.

2. Cấp tiếp kinh phí

Căn cứ kết quả đánh giá trong kỳ, cơ quan quản lý nhiệm vụ có thể xem xét cấp tiếp kinh phí thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

3. Điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ

a) Cơ quan quản lý nhiệm vụ thực hiện điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

b) Biểu mẫu thực hiện điều chỉnh hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

4. Chấm dứt thực hiện nhiệm vụ trong quá trình triển khai

a) Việc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 16, khoản 1 và 2 Điều 19 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

b) Công văn đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ của tổ chức chủ trì được thực hiện theo Biểu mẫu BM-24 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 36/2025/TT-BKHCN.

c) Quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo Biểu mẫu BM-25 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 36/2025/TT-BKHCN.

Điều 10. Quy định chi tiết tiêu chí đánh giá, hồ sơ, biểu mẫu và trình tự đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Cơ quan quản lý nhiệm vụ thực hiện đánh giá cuối kỳ và đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Cơ quan quản lý nhiệm vụ thành lập Tổ chuyên gia tư vấn hoặc thuê chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức tư vấn độc lập để đánh giá kết quả nhiệm vụ.

a) Trường hợp thành lập Tổ chuyên gia:

Tiêu chí đối với cá nhân tham gia: thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 17 Nghị định 267/2025/NĐ-CP.

Trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý nhiệm vụ có thể thuê thêm Chuyên gia tư vấn độc lập đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư 38/2025/TT-BKHCN tham gia Tổ chuyên gia theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư 38/2025/TT-BKHCN.

Nhiệm vụ, trách nhiệm của cá nhân tham gia thực hiện đánh giá được thực hiện theo quy định tại điểm c, d khoản 4 Điều 17 Nghị định 267/2025/NĐ-CP.

b) Trường hợp thuê chuyên gia tư vấn độc lập, Tổ chức tư vấn thực hiện theo điểm c, khoản 1, Điều 9 Quy định này.

c) Chuyên gia, Tổ chuyên gia, Tổ chức tư vấn báo cáo đánh giá theo Biểu mẫu BM-23 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

Điều 11. Quy định chi tiết tiêu chí đánh giá, hồ sơ, biểu mẫu và trình tự đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ

Cơ quan quản lý nhiệm vụ tổ chức việc đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ theo quy định tại khoản 1, 2 và 4 Điều 18 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 12. Quy định chi tiết nội dung, biểu mẫu thanh lý và biên bản thanh lý hợp đồng

1. Việc thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Biên bản thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ được lập theo Biểu mẫu BM-26 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 36/2025/TT-BKHCN.

Điều 13. Quản trị rủi ro trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Quản trị rủi ro dẫn đến thiệt hại cho nhà nước được chấp nhận trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định 267/2025/NĐ-CP.

2. Quản trị rủi ro dẫn đến kết quả không đạt mục tiêu đề ra được chấp nhận trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định 267/2025/NĐ-CP.

3. Quản trị rủi ro trong việc xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định 267/2025/NĐ-CP.

Mục 3

QUY ĐỊNH CHI TIẾT QUẢN LÝ NHIỆM VỤ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 17. Quy định chi tiết nội dung, biểu mẫu, trình tự thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng, thời gian tiếp nhận hồ sơ đối với nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Đề xuất tài trợ, đặt hàng

a) Định kỳ hoặc đột xuất, Cơ quan quản lý nhiệm vụ căn cứ định hướng đặt hàng quy định tại khoản 1 Điều 10 và khoản 1 Điều 19 Nghị định 268/2025/NĐ-CP công bố kêu gọi đề xuất đặt hàng, tài trợ nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.

b) Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác trực thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức có liên quan gửi đề xuất đặt hàng, tài trợ nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đến Cơ quan quản lý nhiệm vụ thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

Mẫu phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được thực hiện theo BM-10-ĐMST ban hành tại phụ lục kèm theo Quy định này.

Mẫu phiếu đề xuất tài trợ nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được thực hiện theo BM-11-ĐMST ban hành tại phụ lục kèm theo Quy định này.

c) Cơ quan quản lý nhiệm vụ tổ chức rà soát, lựa chọn nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng, tài trợ, xác định mức trần kinh phí dự kiến hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, phương thức thực hiện đối với từng nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông qua Hội đồng xác định danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.

Thành phần, số lượng thành viên, phương thức, trình tự làm việc của Hội đồng thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 6 Điều 19 Nghị định 268/2025/NĐ-CP.

Tài liệu phục vụ phiên họp của Hội đồng thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định 268/2025/NĐ-CP.

Việc xác định mức trần kinh phí dự kiến dựa trên nguyên tắc đảm bảo khả năng cân đối, bố trí ngân sách nhà nước và các nguồn lực tài chính hợp pháp khác trong kế hoạch quy định tại điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định 267/2025/NĐ-CP.

d) Cơ quan quản lý nhiệm vụ gửi danh mục nhiệm vụ đặt hàng, tài trợ đến Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tài trợ, đặt hàng

a) Căn cứ kết quả tổng hợp danh mục, Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng, tài trợ theo quy định tại khoản 7 Điều 19 Nghị định 268/2025/NĐ-CP.

Trong trường hợp cần thiết, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xét duyệt danh mục thông qua Hội đồng xác định danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.

b) Danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thể hiện số lượng nhiệm vụ dự kiến, lĩnh vực, mức trần kinh phí dự kiến, thời gian thực hiện, kết quả dự kiến, cơ quan quản lý nhiệm vụ và nêu rõ Nhà nước sẽ nắm giữ quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả nhiệm vụ trong trường hợp cơ quan nhà nước có yêu cầu tiếp nhận kết quả.

Đối với nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tài trợ bổ sung dự kiến phạm vi và đối tượng nhận tài trợ; đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng bổ sung mục tiêu của nhiệm vụ.

3. Thông báo, kêu gọi đề xuất nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

a) Căn cứ Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo và các quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 268/2025/NĐ-CP, cơ quan quản lý nhiệm vụ thực hiện thông báo, kêu gọi đề xuất nhiệm vụ.

b) Trình tự tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề xuất nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 10 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

c) Thời hạn tiếp nhận hồ sơ đăng ký phải bảo đảm đủ thời gian để các tổ chức, cá nhân chuẩn bị, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 5 Quy định này.

Điều 15. Quy định chi tiết biểu mẫu hồ sơ đối với nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Doanh nghiệp, tổ chức đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tài trợ, đặt hàng nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, đối với các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo có yêu cầu về vốn đối ứng cần phải có tài liệu thể hiện phương án huy động vốn đối ứng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 16. Quy định chi tiết thành phần, số lượng thành viên, trình tự làm việc, mẫu biên bản họp hội đồng và tổ thẩm định kinh phí, mẫu phiếu đánh giá, nhận xét đối với nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Cơ quan quản lý nhiệm vụ thực hiện tuyển chọn, giao trực tiếp, tài trợ nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 12 Nghị định 268/2025/NĐ-CP.

2. Đối với hình thức tự xét duyệt thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định 268/2025/NĐ-CP.

3. Đối với hình thức thành lập Hội đồng xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định 268/2025/NĐ-CP.

a) Hội đồng có từ 07 đến 09 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch, 02 ủy viên là chuyên gia phản biện, 01 ủy viên đồng thời là thư ký khoa học và các ủy viên khác; được lựa chọn theo nguyên tắc bảo đảm tính độc lập, khách quan, là đại diện cơ quan quản lý nhà nước, chuyên gia ngành, doanh nhân, nhà khoa học, chuyên gia công nghệ, chuyên gia tài chính có năng lực và chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ. Trường hợp khác do cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quyết định.

Hội đồng có thư ký hành chính để giúp việc cho Hội đồng.

b) Tiêu chí của thành viên, nguyên tắc, tiêu chí đánh giá, phương thức làm việc, trình tự làm việc biểu mẫu hoạt động của Hội đồng xét duyệt thực hiện theo quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 12 Nghị định 268/2025/NĐ-CP.

4. Đối với hình thức Thuê tổ chức tư vấn xét duyệt thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định 268/2025/NĐ-CP.

5. Hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị định 268/2025/NĐ-CP.

Trong trường hợp có từ 02 (hai) hồ sơ trở lên đề nghị xét tài trợ, đặt hàng cho một nhiệm vụ khoa học và công nghệ và được hội đồng đánh giá “Đạt”, hồ sơ được chọn để thẩm định kinh phí là hồ sơ đáp ứng theo thứ tự ưu tiên sau:

- a) Có tổng số phiếu biểu quyết “Đạt” của các thành viên hội đồng cao nhất;
- b) Trường hợp có số phiếu biểu quyết “Đạt” của các thành viên Hội đồng bằng nhau, thì chọn hồ sơ có kinh phí đề xuất từ ngân sách nhà nước thấp nhất;
- c) Trường hợp có số phiếu biểu quyết “Đạt” của các thành viên Hội đồng bằng nhau; kinh phí đề xuất từ ngân sách nhà nước bằng nhau thì ưu tiên hồ sơ có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước cao nhất;
- d) Các trường hợp khác do Chủ tịch Hội đồng tư vấn quyết định.

6. Thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

a) Cơ quan quản lý nhiệm vụ thành lập Tổ thẩm định kinh phí để thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 13 Nghị định 268/2025/NĐ-CP.

b) Thành phần, số lượng thành viên của Tổ thẩm định thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 7 của Quy định này.

c) Biên bản thẩm định kinh phí theo Biểu mẫu BM-12-ĐMST ban hành tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

7. Cơ quan quản lý nhiệm vụ thực hiện thông báo đặt hàng, tài trợ lần 2 theo quy định tại khoản 5 Điều 7 của quy định này.

Điều 17. Quy định chi tiết nội dung, biểu mẫu hợp đồng giao nhiệm vụ

1. Cơ quan quản lý nhiệm vụ thực hiện phê duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 14 Nghị định 268/2025/NĐ-CP.

2. Trong quá trình xét tài trợ, đặt hàng đến thời điểm ký hợp đồng, cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét việc điều chỉnh tên tổ chức đề xuất theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định 267/2025/NĐ-CP.

3. Hủy kết quả phê duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

Cơ quan quản lý nhiệm vụ hủy Quyết định phê duyệt nhiệm vụ trong các trường hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định 268/2025/NĐ-CP và Điều 14 Nghị định 267/2025/NĐ-CP.

4. Cơ quan quản lý nhiệm vụ thực hiện việc ký kết hợp đồng tài trợ, hỗ trợ và cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 15 Nghị định 268/2025/NĐ-CP.

Điều 18. Quy định chi tiết nội dung đánh giá, hồ sơ, biểu mẫu và trình tự đánh giá, điều chỉnh, chấm dứt trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định 268/2025/NĐ-CP.

2. Tổ chức chủ trì chuẩn bị báo cáo theo Mẫu số I.15 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 268/2025/NĐ-CP. Kết quả kiểm tra, đánh giá được lập thành biên bản, có xác nhận của đại diện cơ quan quản lý nhiệm vụ và đại diện tổ chức chủ trì nhiệm vụ làm cơ sở pháp lý cho các bước xử lý tiếp theo.

3. Sửa đổi hợp đồng

a) Việc sửa đổi hợp đồng tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định 268/2025/NĐ-CP.

b) Văn bản đề xuất gồm các nội dung: tên nhiệm vụ, mã số (nếu có), số Hợp đồng, thời gian thực hiện, nội dung theo Hợp đồng đã ký và nội dung đề nghị thay đổi, lý do đề nghị, danh mục tài liệu kèm theo.

c) Quyết định phê duyệt nội dung sửa đổi gồm các nội dung chính: tên nhiệm vụ, mã số (nếu có), tổ chức chủ trì, nội dung điều chỉnh, thời gian thực hiện.

4. Chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ

a) Việc chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định 268/2025/NĐ-CP và khoản 1 Điều 19 Nghị định 267/2025/NĐ-CP.

b) Cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo xem xét hồ sơ, trường hợp cần thiết có thể tham vấn chuyên gia hoặc tổ chức Hội đồng tư vấn chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.

Thành phần, số lượng thành viên, nguyên tắc làm việc, phương thức, trình tự làm việc của Hội đồng tư vấn thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 16 Quy định này.

Điều 19. Quy định chi tiết nội dung, biểu mẫu thanh lý và biên bản thanh lý hợp đồng

1. Việc quyết toán kinh phí được thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 18 Nghị định 268/2025/NĐ-CP.

2. Việc thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ được thực hiện sau khi quyết toán nội dung tài trợ, đặt hàng lần cuối hoặc chấm dứt hợp đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Quy định này.

3. Biên bản thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ được lập theo Biểu mẫu BM-13-ĐMST quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 20. Quy định chi tiết tiêu chí đánh giá, hồ sơ, biểu mẫu và trình tự đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

Cơ quan quản lý nhiệm vụ tổ chức việc đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ theo quy định tại khoản 1, 2 và 4 Điều 18 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 21. Quản trị rủi ro trong thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Quản trị rủi ro dẫn đến thiệt hại cho nhà nước được chấp nhận trong hoạt động đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định 267/2025/NĐ-CP.

2. Quản trị rủi ro dẫn đến kết quả không đạt mục tiêu đề ra được chấp nhận trong thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định 267/2025/NĐ-CP.

3. Quản trị rủi ro trong việc xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định 267/2025/NĐ-CP.

Chương III
CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 22. Xây dựng và phê duyệt chương trình

1. Nguyên tắc xây dựng chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh

a) Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Tỉnh (sau đây viết tắt là Chương trình) gồm:

Chương trình khoa học và công nghệ của tỉnh;

Chương trình đổi mới sáng tạo của tỉnh, trong đó bao gồm: Chương trình đổi mới công nghệ cấp tỉnh; Chương trình khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh; Chương trình phát triển tài sản trí tuệ cấp tỉnh; Chương trình nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa cấp tỉnh; Các chương trình khác.

2. Yêu cầu chung:

a) Phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của Tỉnh; gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, cũng như chiến lược, kế hoạch tổng thể quốc gia, của tỉnh về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong từng thời kỳ;

b) Có tính mới, mục tiêu cụ thể, định lượng được kết quả đầu ra và hiệu quả thực hiện; bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá;

c) Ưu tiên xây dựng các chương trình tập trung vào sản phẩm công nghệ chiến lược, công nghệ trọng điểm có tiềm năng tạo đột phá về năng suất, chất lượng, đổi mới mô hình tăng trưởng, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, quốc gia;

d) Khuyến khích sự tham gia chủ động của doanh nghiệp, tổ chức; tăng cường đóng góp của công nghệ, đổi mới sáng tạo vào kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Xây dựng chương trình

a) Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 267/2025/NĐ-CP phê duyệt, triển khai các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

b) Trình tự đề xuất và thẩm định chương trình:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, UBND cấp xã, các sở, ban, ngành, các tổ chức liên quan (sau đây viết tắt là cơ quan đề xuất) xây dựng chương trình gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp.

Hồ sơ đề xuất chương trình thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 3 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCHN.

c) Thẩm định chương trình

Sau khi nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Hội đồng thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Tỉnh.

Nội dung thẩm định bao gồm: tính cấp thiết, mục tiêu, nội dung, kết quả dự kiến, chỉ tiêu đánh giá; tính khả thi; tính mới; khả năng thương mại hoá và tác động kinh tế - xã hội.

Việc thành lập và hoạt động của Hội đồng theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 2, Điều 7 Quy định này

Căn cứ kết quả thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ gửi báo cáo thẩm định theo biểu mẫu BM-03 ban hành kèm theo Thông tư 36/2025/TT-BKHCHN đến cơ quan đề xuất.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, cơ quan đề xuất có trách nhiệm xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, hoàn thiện hồ sơ thẩm định chương trình và gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ;

Hồ sơ gồm: báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

4. Phê duyệt chương trình

Sở Khoa và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chương trình.

Nội dung Quyết định phê duyệt chương trình gồm: tên chương trình; mục tiêu cụ thể và định lượng; nội dung và phạm vi triển khai; dự kiến sản phẩm đầu ra chính; cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện chương trình; thời gian thực hiện chương trình; dự kiến tổng kinh phí thực hiện, cơ cấu nguồn vốn (ngân sách trung ương, địa phương, vốn đối ứng, xã hội hóa...).

Điều 23. Tổ chức thực hiện chương trình

Sau khi chương trình được ban hành, cơ quan được giao chủ trì chương trình có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhiệm vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các công việc sau:

1. Tổ chức thực hiện chương trình;
2. Thực hiện việc xét tài trợ, đặt hàng, phê duyệt, quản lý và tổ chức triển khai, đánh giá các nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Chương II Quy định này và các hoạt động khoa học và công nghệ khác thuộc chương trình;
3. Báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình, kết quả triển khai chương trình trước ngày 15 tháng 12 hằng năm theo Biểu mẫu BM-04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

Điều 24. Đánh giá kết quả thực hiện chương trình

1. Hằng năm, Ủy ban nhân dân thực hiện báo cáo đánh giá chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo kế hoạch/hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.
2. Việc đánh giá chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:
 - a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị có liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy định này.
 - b) Định kỳ 05 năm và hằng năm tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt kế hoạch, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Tổng hợp kinh phí thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Quảng Ninh gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật trong hoạt động tài trợ, đặt hàng thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

đ) Quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

e) Hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai thực hiện các nội dung được phân cấp nêu tại mục 1 Chương II Quy định này.

2. Các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

a) Hằng năm, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của đơn vị, đề xuất tài trợ, đặt hàng các nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý điều hành và phát triển ngành, lĩnh vực, địa bàn gửi về Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu xây dựng danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định.

b) Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung được phân cấp nêu tại mục 1 Chương II Quy định này; định kỳ báo cáo, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật trong hoạt động tài trợ, đặt hàng thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

d) Chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

3. Sở Tài chính chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

1. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy định này được thay thế, bổ sung, sửa đổi thì thực hiện theo các quy định được thay thế, bổ sung, sửa đổi.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp cơ quan nhà nước cấp trên ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nội dung tại Quy định này thì thực hiện theo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên.

3. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, phát sinh những nội dung cần sửa đổi bổ sung, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị gửi văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.